

Mẫu số 32. Bảng thống kê giá đất tại xã/phường/...

Xã/Phường/.....

Tỉnh (TP)

BẢNG THÔNG KÊ GIÁ ĐẤT TẠI XÃ/PHƯỜNG/.....

(Áp dụng đối với đất:)⁽¹⁾

Ph i ê u s ố	T ê n g i o i s ử d u n g đ ất	Th ủ a đ ấ t s ố	T ờ B Đ s ố	D i ệ n t í c h (m ²)	T ê n đ ườ ng, đ o ạ n đ ườ ng, ph ố, đ o ạ n ph ố	K h u v ự c	V ị t r í đ ấ t	Th ờ i đ i ể m ch u y ể n n h u ợ ng/ tr ú n g đ ầ u g i á	G i á b á n b ấ t đ ộ n g s ản (1.00 0đ/ b ấ t đ ộ n g s ản)	G i á đ ất ch u y ể n n h u ợ ng / tr ú n g đ ầ u g i á (1.000đ/ m ²)	G i á đ ất tr o n g b ả n g g i á đ ất h i ệ n h à n h (1.000đ/ m ²)	S o s á n h (11)/(12) (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
4												
5												
6												
....												
.												

**Xác nhận của Tổ chức thực hiện định
giá đất**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Áp dụng để thống kê phiếu điều tra đối với tất cả các loại đất.

Khu CNC: